TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT
Ngày 27 - 8 - 2021
V/v tranh chấp con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Anh Cường
Bà Lê Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Nguyễn Thị Việt Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp con chung".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ - ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1988; có mặt
Địa chỉ: Thôn H1, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Người kháng cáo: Anh Bùi Xuân T - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Xuân T ngày 13 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia

đình anh T tại Thôn H1, xã B. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T chơi bời, ít quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn rồi về nhà đánh đập chị, anh T có quan hệ bất chính với người khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Ngoài ra, anh T còn hay nhắn tin đe dọa, xúc phạm mẹ đẻ chị (vì anh T cho rằng mẹ đẻ chị khuyên chị bỏ chồng). Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị C, sinh ngày 19/12/2017, hiện nay cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị đang làm giáo viên hợp đồng và làm thêm tại công ty X, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/ tháng nên chị có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Xuân T trình bày:

Anh xác định về điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh hay đi làm về muộn, vợ chồng không tin tưởng nhau nên có xảy ra cãi chửi nhau, có vài lần anh đi uống rượu về vợ chồng có lời qua tiếng lại nên anh có tát chị H 1, 2 cái. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H nên, anh xin đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ - ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân T.

2. Xử về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị C, sinh ngày 19/12/2017 (hiện cháu đang ở cùng anh T). Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2021 anh Bùi Xuân T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm xem xét lại về phần nuôi con chung, cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị C, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 18/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Bùi Xuân T làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống chị H, anh T đều xác nhận có bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh T đã vài lần đánh chị H. Khi hai bên xảy ra mâu thuẫn gia đình đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin đoàn tụ cũng chỉ làm kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để cho chị H ly hôn với anh T là có căn cứ.

Xét nội dung kháng cáo của anh Bùi Xuân T về việc không đồng ý với quyết định Tòa án nhân dân huyện L giao cháu Bùi Thị C cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Huế.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T và chị H đều tha thiết xin được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hân. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng xin được

trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của anh T và chị H là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên khi giao con cho ai nuôi thì phải đảm bảo quyền lợi và sự phát triển tốt nhất của con. Trong vụ án này, anh T và chị H có một con chung là cháu Bùi Thị C, sinh ngày 19/12/2017, tính đến nay cháu mới được hơn 3 tuổi và là con gái nên vẫn cần sự chăm sóc của người mẹ, chị H cũng chứng minh đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con, nếu được tòa án giao nuôi con, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung là cháu Bùi Thị C cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T kháng cáo nhưng không đưa ra căn cứ nào mới xác định chị H không đủ điều kiện nuôi con.

Từ những nhận định trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cháu Hân cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Bùi Xuân T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 148/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị C, sinh ngày 19/12/2017 (hiện cháu đang ở cùng anh T). Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Bùi Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001191 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận anh T đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh